

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 29 - 8 - 2017.

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đán Văn Đường**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Vương Thị Liên**

2. Bà **Lục Thị Nhung**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Quân** – Kiểm sát viên.

Hội 8 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2017/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2017 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1167/2017/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lù Văn T** – Sinh năm: 1981;

Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Hà Giang; Chỗ ở hiện nay: Tổ X, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang.

Hôm nay có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Lèng Thị H** – sinh năm: 1984; Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Hà Giang.

Hôm nay có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 7 năm 2017 anh Lù Văn T trình bày:

Anh và chị Lèng Thị H trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Hà Giang, vào năm 2002. vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng từ khoảng tháng 01 năm 2016 cho đến nay lý do mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều điều bất đồng trong cuộc sống, không hòa thuận và nghi ngờ nhau ngoại tình cho nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và

chửi bới súc phạm. hiện nay mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình từ tháng 02 năm 2016 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lèng Thị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung. Tên hai cháu là: Lù Thị P – Sinh ngày: 23/01/2003 và Lù Minh T – Sinh ngày: 19/10/2005. Hiện nay cả hai cháu P và T đang ở với chị Lèng Thị H tại Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Hà Giang. Ly hôn Anh T có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lù Minh T cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cháu P cho chị Lèng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu P.

Về tài sản và công nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Lù Văn T giữ nguyên quan điểm xin ly hôn đối với chị Lèng Thị H.

Về con chung: Anh T có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lù Minh T cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cháu P cho chị Lèng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lèng Thị H khai tại biên bản ghi lời khai ngày 02 tháng 8 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án chị H trình bày như sau:

Chị và anh Lù Văn T trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Hà Giang vào năm 2002. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tháng 7 năm 2005, anh T có lên chăm sóc ông ngoại bị ốm tại thị trấn V, rồi anh T lên ở cùng với ông ngoại và thỉnh thoảng mới về nhà thăm con từ đó tình cảm vợ chồng có sự xa lánh và có sự nghi kỵ lẫn nhau có lời lẽ súc phạm nghi kỵ lẫn nhau nên phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nay Anh T có đơn xin ly hôn chị cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, chưa đến mức phải ly hôn chị vẫn một mực chung thủy yêu thương và kính trọng anh, tình cảm vợ chồng vẫn còn khả năng khắc phục được. Chị mong muốn anh T trở về đoàn tụ gia đình để cùng nhau chăm lo nuôi dạy con cái, chị đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng chị được quay lại chung sống được với nhau.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung. Tên hai cháu là: Lù Thị P – Sinh ngày: 23/01/2003 và Lù Minh T – Sinh ngày: 19/10/2005. Hiện nay cả hai cháu P và T đang ở với chị Lèng Thị H tại Thôn K,

xã Q, huyện V, tỉnh Hà Giang. Nếu anh T cương quyết xin ly hôn và được Tòa án chấp nhận cho ly hôn, về con chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các cháu cháu Lù Thị P và cháu Lù Minh T đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi cháu Lù Minh T mỗi tháng là 2.000.000đ cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về tài sản và công nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Lèng Thị H giữ nguyên quan điểm, không nhất trí ly hôn, chị mong anh T quay lại đoàn tụ gia đình cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con cái.

Sau khi nghe các đương sự trình bày và tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát phát biểu ý kiến.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:*

Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án như: Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền thụ lý vụ án, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; chấp hành các quy định về việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử theo các Điều 28, Điều 35, Điều 69, Điều 196, Điều 198, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử:*

Tại phiên tòa hôm nay HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên Tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa không thuộc trường hợp bị thay đổi người tiến hành tố tụng. Thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa thực hiện đầy đủ theo quy định của Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng của đương sự:*

+ Các bên đương sự Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phần xét hỏi tại phiên tòa xác định sự mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức trầm trọng được hai bên vẫn còn khả năng khác phục được. Căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX: Xử bác đơn xin ly hôn anh Lù Văn T.

- **Về án phí:** Anh Lù Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo, lời khai của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Quan hệ hôn nhân: Anh Lù Văn T và chị Lèng Thị H xây dựng gia đình từ năm 2002 trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Hà Giang, đây là hôn nhân hợp pháp đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc nên vợ chồng đã có con chung và tạo dựng được khối tài sản chung đáng kể. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh kể từ khi Anh T lên ở cùng ông ngoại, chăm sóc ông ngoại bị ốm tại thị trấn V, tỉnh Hà Giang thỉnh thoảng Anh T mới về thăm nhà, thiếu sự quan tâm đến công việc gia đình anh thường bỏ mặc cho chị H do đó chị H nảy sinh tư tưởng nghi ngờ ghen tỵ Anh T có quan hệ ngoại tình và có lời lẽ, nói năng xúc phạm lẫn nhau và phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. nay Anh T xin ly hôn chị H xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng còn khả năng khắc phục được đề nghị Anh T trở về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con cái và chị xin hứa sẽ khắc phục những sai lầm khuyết điểm của mình theo Anh T trình bày chị vẫn quý trọng chung thủy tin tưởng anh mong anh được tha thứ.

Việc anh T cho rằng chị H có làm đơn tố cáo anh tại cơ quan chính quyền làm anh mất danh dự, uy tín. ngày 25 /7/2017 Tòa án đã tiến hành xác minh tại trưởng thôn K xã Q và tại Hội trưởng phụ nữ xã Q huyện V tỉnh Hà Giang. kết quả xác minh không có đơn của chị H tố cáo đối với anh T như anh T đã trình bày còn sự việc mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H là có nhưng chỉ trong nội bộ gia đình, thôn và chính quyền xã chưa tiến hành giải quyết hòa giải lần nào.

Tòa án nhận thấy sự mâu thuẫn của vợ chồng không lớn, chưa đến mức trầm trọng vẫn còn khả năng khắc phục được, việc anh T xin ly hôn chị H cho rằng chị H có đơn tố cáo có lời lẽ xúc phạm uy tín, danh dự anh T là không có căn cứ và việc các bên nghi ngờ lẫn nhau về ngoại tình cũng không có cơ sở. Nên cần xử bác đơn xin ly hôn anh T nhằm bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ và con cái và hạnh phúc gia đình theo quy định của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về án phí: Anh Lù Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: Của các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Bác đơn xin ly hôn anh Lù Văn T xin ly hôn chị Lèng Thị H.

2. Về án phí: Anh Lù Văn T phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn là 300.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 01821 ngày 27/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang.

Quyền kháng cáo: Báo cho các bên đương sự có mặt biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/8/2017).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- UBND xã Q,
- huyện V, tỉnh Hà Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự
- huyện V, tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đán Văn Đường